

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Bản án số 02/2023/KDTM-PT

Ngày 07/02/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Anh Tuấn.

Các Thẩm phán: 1. Ông Giáp Bá Dự;

2. Ông Lê Đình Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 06 và 07 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2022/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P; địa chỉ: Đường N, phường M, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khắc D; địa chỉ: Đường X, phường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và ông Thái Vĩnh B; địa chỉ: Đường N, phường M, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 03/2/2023)(Có mặt).

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần T; địa chỉ: Đường Q, phường Z, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đức T; địa chỉ: Đường Q, phường Z, thị xã A, tỉnh Gia Lai (Theo giấy ủy quyền ngày 02/02/2023)(Có mặt).

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn là Công ty Cổ phần T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Doanh nghiệp Tư nhân P do Bà Phan Thị H là chủ doanh nghiệp (sau đây được viết tắt là Doanh nghiệp P) và Công ty Cổ phần T (sau đây được viết tắt là Công ty 145) đã ký kết, thực hiện nhiều hợp đồng kinh tế về việc mua bán hàng hóa, vật liệu xây dựng để thi công công trình. Sau khi thực hiện xong hợp đồng, Công ty 145 còn nợ Doanh nghiệp P theo các hợp đồng, cụ thể như sau:

Hợp đồng kinh tế số 01/2018 ngày 09/3/2018, tính đến ngày 20/9/2021, số tiền còn nợ là 198.698.219đồng;

Hợp đồng kinh tế số 67/2019 ngày 26/9/2019, tính đến ngày 20/9/2021, số tiền còn nợ là 790.693.082đồng.

Hợp đồng kinh tế số 09/2021 ngày 09/3/2021, tính đến ngày 30/6/2021, số tiền còn nợ là 13.025.000đồng.

Vì vậy, Doanh nghiệp P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty 145 phải thanh toán 1.002.416.301đồng và tổng số tiền nợ lãi tạm tính là 249.458.021đồng.

Công ty 145 thừa nhận còn nợ Doanh nghiệp P theo như các Biên bản đối chiếu công nợ với tổng số tiền nợ gốc là 1.002.416.301 đồng, nhưng do tình hình Công ty có thay đổi về nhân sự, sản xuất kinh doanh gặp khó khăn và chưa làm rõ được các khoản nợ vì người đại diện cũ bàn giao lại. Công ty 145 đưa ra phương án trả nợ đến ngày 31/12/2022 trả nợ gốc 400.000.000đồng, số còn lại sẽ trả trong năm 2023, về tiền lãi đề nghị không tính lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 235, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 418, 430 và 440 của Bộ luật Dân sự; các Điều 300, 301 và 306 của Luật Thương mại năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phan Thị H - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P.

Buộc Công ty Cổ phần T phải trả cho Bà Phan Thị H -Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P số tiền nợ gốc là 1.002.416.301đồng, tiền lãi chậm trả và phạt vi phạm là 184.460.000đồng. Tổng cộng là 1.186.876.000đồng (Một tỷ một trăm tám mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Buộc Công ty Cổ phần T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 47.606.000đồng. Bà Phan Thị H -Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Bà Phan Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

24.778.000đồng theo biên lai thu tiền số 0011747 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/9/2022, bị đơn là Công ty 145 kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét và chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty 145, sửa một phần Bản án số 02/2022/KDTM-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã A theo hướng: Bác phần tiền lãi Ngân hàng sai quy định theo các Hợp đồng, bác yêu cầu đòi tiền thanh toán hàng hóa với số tiền ngoài hợp đồng là 436.026.319 đồng, làm rõ Biên bản đối chiếu công nợ hàng kỳ (theo Hợp đồng số 01/2018 ngày 09/3/2018).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trình tự thủ tục giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm được cơ quan tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai về phần tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Trong vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh, đều có mục đích lợi nhuận, nên đây là vụ án kinh doanh thương mại. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bị đơn kháng cáo về việc bác yêu cầu tiền thanh toán hàng hóa với số tiền ngoài hợp đồng là 436.026.319 đồng, làm rõ Biên bản đối chiếu công nợ hàng kỳ (theo Hợp đồng số 01/2018 ngày 09/3/2018).

Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận bởi ngày 09/3/2018 giữa Bà Phan Thị H- Chủ Doanh nghiệp P và Công ty 145 (trước đây là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên 145) xác lập hợp đồng kinh tế số 01/2018/HĐKT về việc mua bán hàng hóa. Theo hợp đồng, Công ty 145 là bên mua hàng, còn bên Bà Phan Thị H là bên bán hàng, hàng hóa do các bên thỏa thuận là xi măng vi sai CP 40, giá trị của hợp đồng là 5.775.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, phía nguyên đơn đã cung cấp hàng hóa nhiều lần cho bên bị đơn và qua các đợt cung cấp hàng hóa hai bên đã đối chiếu công nợ nhiều lần, từ đó bị đơn đã chuyển tiền cho

nguyên đơn theo từng đợt đối chiếu công nợ. Đến ngày 30/6/2021 các bên tiếp tục đối chiếu công nợ và Công ty 145 xác nhận còn nợ Bà Phan Thị H 198.698.219 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đều thừa nhận Hợp đồng kinh tế số 01/2018/HĐKT ngày 09/3/2018 và toàn bộ biên bản đối chiếu công nợ tiếp theo là do bên bị đơn soạn thảo trên cơ sở hai bên thống nhất công nợ tại thời điểm đối chiếu. Vì vậy, bị đơn cho rằng nguyên đơn phải cung cấp phụ lục hợp đồng kèm theo để bị đơn xác định lại công nợ là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Bị đơn kháng cáo về phần lãi của các hợp đồng.

Hồ sơ vụ án thể hiện: Hợp đồng kinh tế số 01/2018/HĐKT ngày 09/3/2018 các bên thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng như sau: “...Sau 15 ngày kể từ ngày đối chiếu công nợ bên A chuyển trả tiền cho bên B bằng 80% giá trị hàng nhận trong tháng”. Hợp đồng này các bên đối chiếu công nợ vào ngày 30/6/2021, vì vậy, đến ngày 15/7/2021 bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi của số tiền 198.698.219 đồng từ ngày vi phạm đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Hợp đồng kinh tế số 67/2019, ngày 26/9/2019 quy định tại Điều 3 như sau: “Hàng tháng vào ngày 25 hai bên A và B tiến hành đối chiếu, xác nhận công nợ. Bên B xuất hóa đơn GTGT đầy đủ cho bên A, thì bên A thanh toán cho bên B trong vòng 10 ngày kể từ ngày hai bên xác định được công nợ”. Đến ngày 20/9/2021 hai bên đối chiếu công nợ, theo đó, bên bị đơn xác nhận còn nợ của nguyên đơn số tiền 790.693.082 đồng. Vì vậy, hợp đồng số 67/2019/HĐKT ngày 26/9/2019 bị đơn vi phạm nghĩa vụ từ ngày 01/10/2021 và phải trả lãi kể từ ngày vi phạm đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Hợp đồng kinh tế số 09/2021, ngày 09/3/2021 các bên đương sự tiếp tục ký hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng. Theo các điều khoản của hợp đồng thì bị đơn phải trả nợ trong hạn 10 ngày, kể từ ngày đối chiếu công nợ; trong thời hạn 10 ngày không trả được nợ thì sẽ tính lãi của số tiền chậm trả. Ngày 31/8/2021 các bên đối chiếu công nợ, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn 13.025.000 đồng. Như vậy, hợp đồng số 09/2021, bị đơn phải chịu lãi đối với khoản nợ kể từ ngày 10/9/2021.

Các hợp đồng nêu trên, hai bên có thỏa thuận về thời gian chậm trả, đồng thời hợp đồng kinh tế số 67/2019/HĐKT và hợp đồng số 09/2021/HĐKT có thỏa thuận về lãi suất là 22,5% năm (trong đó 15% là lãi suất ngân hàng, 7,5% là lãi phạt). Tuy các đương sự có thỏa thuận về việc chịu lãi đối với số tiền chậm thanh toán nhưng sự thỏa thuận của các đương sự vượt quá mức lãi suất theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại và Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; đồng thời các đương sự thỏa thuận về việc chịu lãi phạt mà theo Luật Thương mại không quy định. Vì vậy, số tiền lãi của các hợp đồng không thể áp dụng theo sự thỏa thuận của các đương sự mà được tính lại cho phù hợp với quy định và xác định lại thời gian chậm trả theo thỏa thuận tại các hợp đồng mà các đương sự đã ký kết.

Theo thông tin cung cấp của các ngân hàng 06/02/2023, tại thời điểm tháng 09/2022 (thời điểm xét xử sơ thẩm) thì mức lãi quá hạn trung bình của ba Ngân hàng gồm Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam thì lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba ngân hàng là 8,93%/ năm và số ngày chậm thanh toán được tính lại, cụ thể như sau:

Hợp đồng kinh tế số 01/2018/HĐKT ngày 09/3/2018 số tiền chậm thanh toán 198.698.219 đồng được tính từ ngày 15/7/2021 đến ngày 08/9/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 418 ngày, số tiền lãi là 30.896.778 đồng.

Hợp đồng kinh tế số 67/2019, ngày 26/9/2019 số tiền chậm thanh toán 790.693.082 đồng từ ngày 01/10/2021 đến ngày 08/9/2022 là 337 ngày, số tiền lãi là 99.124.447 đồng.

Hợp đồng kinh tế số 09/2021, ngày 09/3/2021 số tiền nợ 13.025.000 đồng tính từ ngày 10/9/2021 đến 08/9/2022 là 358 ngày, số tiền lãi 1.734.617 đồng.

[4] Tổng hợp tất cả các chứng cứ, nhận định nêu trên, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền chậm thanh toán của ba hợp đồng gồm: Hợp đồng số 01/2018/HĐKT ngày 09/3/2018 số tiền 198.698.219 đồng, Hợp đồng kinh tế số 67/2019 ngày 26/9/2019 là 790.693.082 đồng và Hợp đồng kinh tế số 09/2021 ngày 09/3/2021 là 13.025.000 đồng; tổng cộng 1.002.416.301 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Nhưng do bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án, nên cần phải tính lại mức lãi suất và thời điểm tính lãi như đã nhận định. Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về phần tiền lãi.

[3] Án phí sơ thẩm và phúc thẩm: Do sửa án kinh doanh thương mại sơ thẩm nên án phí sơ thẩm cũng cần quyết định lại cho đúng với quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; còn phần án phí phúc thẩm Công ty 145 không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng các Điều 3, 4 và Điều 306 Luật Thương mại;
- Áp dụng các Điều 274, 275, 278, 280, 385 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Sửa Bản án sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai về phần tính lãi và án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau:

Buộc Công ty Cổ phần T phải trả cho Bà Phan Thị H số tiền 1.134.712.413 đồng (Trong đó số tiền chưa thanh toán 1.002.416.301 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán 131.755.842 đồng).

Kể từ ngày 09-9-2022, Công ty Cổ phần T còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại cho đến khi thanh toán xong nợ cho Bà Phan Thị H.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc Công ty Cổ phần T phải chịu 46.041.372 đồng (Bốn mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, ba trăm bảy mươi hai đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bà Phan Thị H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả lại cho Bà Phan Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 24.778.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai số 0011747 ngày 20/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

3. Về án phí phúc thẩm:

Công ty Cổ phần T không phải chịu án phí phúc thẩm; hoàn trả cho Công ty Cổ phần T án phí đã nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011883 ngày 27/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu h/s vụ án, Tòa Dân sự, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Anh Tuấn

